

Số: 918/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Đề án xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Ngãi
giai đoạn 2018 - 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị (khóa XI) về “Đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế”;

Căn cứ Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

Căn cứ Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 13/3/2017 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 05/12/2016 của Tỉnh ủy về cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020;

Thực hiện Kết luận số 269-KL/TU ngày 25/4/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án thành lập Trung tâm hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện của tỉnh Quảng Ngãi;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 1233/TTr-STTTT ngày 28/11/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018 - 2022.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

~~Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các Sở, ban ngành, hội đoàn thể, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.~~

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Căng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018-2022

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 918/QĐ-UBND ngày 13/12/2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

PHẦN I: MỞ ĐẦU

I. Tên Đề án:

Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018-2022.

II. Cơ sở pháp lý:

1. Các văn bản của Trung ương:

- Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006.
- Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005.
- Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01-7-2014 của Bộ Chính trị (khóa XI) về “Đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế”.
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.
- Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020.
- Quyết định số 246/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.
- Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về công nghệ thông tin và truyền thông.
- Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.
- Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.
- Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/6/2012 của Chính phủ về việc ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.
- Quyết định số 63/QĐ-TTg ngày 13/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch phát triển an toàn thông tin số quốc gia đến năm 2020.

~~Quyết định số 99/QĐ-TTg ngày 14/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn, an ninh thông tin đến năm 2020”.~~

- Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình quốc gia về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

- Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử.

- Công văn số 270/BTTTT-UDCNTT ngày 06/02/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn Mô hình thành phần chính quyền điện tử cấp tỉnh;

- Công văn số 1178/BTTTT-THH ngày 21/04/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam Phiên bản 1.0.

- Công văn số 1101/BKHĐT-TH ngày 02/3/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn một số nội dung về lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công theo Luật Đầu tư công.

- Công văn số 2384/BTTTT-THH ngày 28/7/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Hướng dẫn mẫu đề cương Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp Bộ, mẫu Đề cương Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh.

2. Các văn bản của tỉnh:

- Quyết định số 1759/QĐ-UBND ngày 09/8/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển CNTT tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2007 - 2015 và định hướng đến năm 2020; Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 15/10/2013 Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh một số nội dung của Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020.

- Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 20/11/2012 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Ban hành Quy định về tăng cường hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi.

- Kế hoạch số 1881/KH-UBND ngày 25/4/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện chương trình hành động số 57-CTr/TU ngày 23 tháng 12 năm 2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

- Quyết định số 916/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020.

- Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 13/3/2017 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 05/12/2016 của Tỉnh ủy về cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2020.

- Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Đề án thành lập Trung tâm hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện của tỉnh Quảng Ngãi.

III. Sự cần thiết đầu tư Đề án:

Chính phủ các nước trên thế giới hiện nay và trong tương lai đều lấy việc xây dựng và hoàn thiện Chính quyền điện tử để làm hài hòa và thỏa mãn các yêu cầu phù hợp, chính đáng của người dân làm nguyên tắc lãnh đạo, điều hành nhằm mục tiêu ổn định chính trị, phát triển kinh tế, phát triển xã hội. Bên cạnh đó, người dân cũng đặt ra các yêu cầu ngày càng cao đối với Nhà nước, Chính phủ và các nhà lãnh đạo.

Trong việc phát triển và xây dựng nhà nước, chính quyền, Đảng và Nhà nước ta luôn chủ trương và định hướng: “Xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân”; xây

~~dựng và hoàn thành “Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” với mục tiêu~~
“Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Cùng với xu hướng chung của thế giới, xây dựng Chính quyền điện tử Việt Nam là một yêu cầu tất yếu, khâu đột phá trong chỉ đạo, điều hành và phục vụ nhân dân, góp phần quan trọng thành công cho các chủ trương định hướng đó. Sự tin tưởng và hợp tác của công dân vào chính phủ điện tử và vào công nghệ là vô cùng quan trọng, quyết định sự thành công hay thất bại của chương trình xây dựng Chính phủ điện tử ở bất kỳ quốc gia nào. Chính công dân là người sử dụng và cũng là trung tâm của chính phủ điện tử, việc xây dựng chính phủ điện tử không nằm ngoài mục đích phục vụ công dân tốt hơn.

Theo Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020, trong đó có mục tiêu *30% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến tại mức độ 4*; Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử có chỉ đạo các địa phương *khẩn trương triển khai các giải pháp để cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tích cực triển khai để cung cấp dịch vụ công mức độ 4*.

Bên cạnh đó, trước tình hình mới có diễn biến phức tạp cùng với sự phát triển kỹ thuật công nghệ cao trên thế giới hiện nay, khả năng tấn công phá hoại của các tin tặc trong và ngoài nước diễn ra ngày càng tinh vi với mục tiêu tập trung vào cơ quan trọng yếu như hệ thống tin học của các đơn vị, đặc biệt là tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh – nơi tập trung nhiều dữ liệu quan trọng của tỉnh.

Cùng với mục tiêu xây dựng Chính quyền điện tử theo Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ xác định mục tiêu xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử. Việc triển khai Hệ thống Mạng thông tin hành chính điện tử của Chính phủ do Văn phòng Chính phủ chủ trì phối hợp với các tỉnh, thành phố đang được triển khai để đảm bảo phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành thông suốt đến 04 cấp hành chính từ Trung ương đến địa phương, trong đó tại địa phương có trách nhiệm mở rộng kết nối hệ thống mạng đến các cấp trực thuộc đang trở thành nhiệm vụ quan trọng, cần thực hiện ngay.

Với những kết quả đã đạt được, tỉnh Quảng Ngãi cần phải thực hiện đề án “Xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018-2022” nhằm cụ thể hóa định hướng và lộ trình triển khai ứng dụng và phát triển CNTT, xây dựng mô hình hoàn chỉnh về hệ thống chính quyền điện tử cấp tỉnh.

Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Ngãi được xây dựng, phát triển và duy trì sẽ trở thành một yếu tố quan trọng tác động tích cực, mạnh mẽ đến sự phát triển kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng của tỉnh.

IV. Hiện trạng ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin:

1. Hiện trạng:

a) Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật:

Hệ thống mạng cáp quang đã được phát triển đến 14 huyện, thành phố và hầu hết các xã, các đơn vị viễn thông VNPT, Viettel lần lượt đưa mạng 3G, 4G vào khai thác tạo điều kiện và cơ hội cho nhiều người tiếp cận được các dịch vụ do Internet đem lại.

Tỷ lệ trung bình máy tính/CBCC đạt trên 0,9 máy/CBCC, có nhiều cơ quan tỷ lệ này đạt 01 máy/CBCC; 100% các cơ quan nhà nước tỉnh đều đã có mạng LAN và kết nối sử dụng Internet băng thông rộng; với khoảng 90% máy tính được kết nối mạng LAN và khai thác sử dụng Internet. Trên 90% đơn vị cấp xã đã có mạng LAN và sử dụng Internet, tuy nhiên ở phạm vi và quy mô nhỏ.

~~Khoảng 60% hệ thống mạng LAN đã được trang bị hệ thống bảo mật, an ninh~~

mạng (Firewall); khoảng trên 90% máy tính được cài đặt phần mềm phòng chống virus có bản quyền hoặc miễn phí. Trong những năm qua, tỉnh cũng đã chú trọng công tác nâng cao nhận thức, tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn liên quan đến công tác an toàn, an ninh thông tin, các hội thảo chuyên đề về an toàn, an ninh thông tin, thành lập Tổ ứng cứu sự cố mạng máy tính,...

Trung tâm dữ liệu tỉnh Quảng Ngãi đã được UBND tỉnh phê duyệt Dự án từ năm 2014 và đã được bố trí kinh phí đầu tư thực hiện từ năm 2016-2017. Dự kiến Trung tâm dữ liệu tỉnh Quảng Ngãi sẽ được xây dựng hoàn thành và đưa vào vận hành, sử dụng trong năm 2017, nhằm đầu tư hoàn chỉnh hệ thống an ninh, bảo mật chính quy nhằm đảm bảo khả năng phòng chống tấn công, xâm nhập và phá hỏng dữ liệu, đồng thời có khả năng tự động xác lập và thực thi các hành động phù hợp nhằm ngăn chặn, thông báo cho người quản trị để đảm bảo an toàn, an ninh cho các hệ thống thông tin của tỉnh.

b) Đánh giá hạ tầng kỹ thuật về sự phù hợp với Chính quyền điện tử:

Nhìn chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông và công nghệ thông tin trong thời gian qua đã được đầu tư, đảm bảo cho việc thực hiện kết nối, liên thông sẵn sàng đáp ứng việc quản lý, điều hành, xử lý công việc, trao đổi, chia sẻ thông tin của các cơ quan nhà nước qua môi trường mạng và đã sẵn sàng cho việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao qua môi trường mạng, đáp ứng cơ bản nên tăng để phục vụ xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Quảng Ngãi.

Tuy nhiên, để đáp ứng đầy đủ các nhiệm vụ, công tác trong quá trình triển khai thực hiện xây dựng chính quyền điện tử thì cần tiếp tục có sự quan tâm duy trì bổ sung, nâng cấp về hạ tầng kỹ thuật CNTT ở tất cả các cấp và nhất là cấp xã, đồng thời cần chú trọng các biện pháp, giải pháp kỹ thuật trong công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng.

c) Ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước:

Hầu hết cán bộ công chức trong các cơ quan nhà nước các cấp đã được cấp địa chỉ thư điện tử (theo tên miền: xxx@quangngai.gov.vn, với hơn 7.000 địa chỉ thư điện tử đã được cấp phát); tỷ lệ CBCC thường xuyên sử dụng thư điện tử trong trao đổi công tác đạt khoảng trên 70%.

Các loại văn bản như lịch công tác, giấy mời, báo cáo, dự thảo văn bản trình, tài liệu phục vụ họp,... đều được các cơ quan nhà nước sử dụng trao đổi qua thư điện tử công vụ hoặc trên môi trường mạng.

Tất cả các cơ quan nhà nước cấp tỉnh và huyện đã triển khai và ứng dụng hệ thống phần mềm eOffice để phục vụ công tác quản lý và điều hành. Việc ứng dụng hệ thống đã giúp tiết kiệm về thời gian và chi phí văn phòng phẩm, chỉ đạo và phân công công tác nhanh chóng, kịp thời; hệ thống lưu trữ hồ sơ và tìm kiếm văn bản thuận lợi, nhanh chóng, chính xác phục vụ đắc lực cho việc nắm bắt thông tin để xử lý, giải quyết công việc có liên quan, góp phần nâng cao nhận thức và tạo dần thói quen ứng dụng CNTT trong phục vụ công tác chuyên môn, quản lý điều hành công việc. Hiện nay, đã triển khai thành công kết nối, liên thông phần mềm quản lý văn bản cho 37 đơn vị trong toàn tỉnh; đã gửi/nhận thành công văn bản liên thông giữa các đơn vị trong tỉnh và Chính phủ. Tỷ lệ đơn vị cấp xã có sử dụng phần mềm eOffice đạt khoảng 75%, tuy nhiên chỉ dừng lại ở mức độ cơ bản là gửi nhận thông tin, trao đổi văn bản điện tử qua địa chỉ thư điện tử nội bộ và số lượng người sử dụng còn rất hạn chế.

Hệ thống TABMIS phục vụ quản lý công tác tài chính kế toán đến cấp xã. Phần mềm quản lý ngân sách (cấp tỉnh huyện, xã); kế toán hành chính sự nghiệp đã được

~~ứng dụng tại đơn vị sự nghiệp, cấp mã số đối tượng sử dụng ngân sách Nhà nước, quản lý tài sản sau kiểm kê, kế toán tài chính - ngân sách xã.~~

Về triển khai đồng bộ các hệ thống phần mềm quản lý CBCC và quản lý trường học thống nhất hiện nay đang được các cơ quan chủ quản là Sở Nội vụ và Sở Giáo dục và Đào tạo lập dự án để triển khai thực hiện.

d) Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp:

Hệ thống Công thông tin điện tử tỉnh Quảng Ngãi (www.quangngai.gov.vn) và 100% các sở, ngành và địa phương đã xây dựng hoàn thiện, chuyển đổi thành Cổng thông tin thành phần; một số trang thông tin điện tử khác lần lượt được hình thành và đi vào hoạt động đã phản ánh trung thực, kịp thời và sinh động về các mặt hoạt động chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp; tình hình phát triển kinh tế - xã hội; vấn đề an ninh- quốc phòng; hình ảnh thiên nhiên và con người Quảng Ngãi.

Đến nay đã cung cấp 100% dịch vụ hành chính công mức độ 2 được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các trang thông tin của các cơ quan, đơn vị chuyên ngành. Về dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đã thực hiện: 30 dịch vụ công thuộc lĩnh vực Xây dựng; 17 dịch vụ công thuộc lĩnh vực Giao thông vận tải cấp tỉnh; 09 dịch vụ công thuộc lĩnh vực Công thương cấp tỉnh và 07 dịch vụ công cấp huyện (UBND huyện Sơn Hà); đã xây dựng hoàn thành và cung cấp 07 nhóm dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 (tại địa chỉ <http://dichvucong.quangngai.gov.vn>) trên mạng Internet để phục vụ cho tổ chức và công dân trong các lĩnh vực: kế hoạch và đầu tư, tư pháp, lao động thương binh và xã hội, báo chí, xuất bản và y tế.

Mô hình một cửa điện tử hiện đại đã được triển khai xây dựng và ứng dụng tại 7/14 UBND cấp huyện (Thành phố Quảng Ngãi, huyện Sơn Hà, Đức Phổ, Trà Bồng, Mộ Đức, Tư Nghĩa, Bình Sơn) và 03 cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh (Sở Giao thông Vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công thương) để nâng cao chất lượng phục vụ người dân và tổ chức.

Cơ sở dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật, chỉ đạo điều hành và thủ tục hành chính của tỉnh đã được xây dựng, cung cấp và cập nhật thường xuyên trên Internet đã phục vụ đắc lực cho công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh và tăng cường năng lực phục vụ người dân và doanh nghiệp; Công tác tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị của công dân, tổ chức cũng đã được các cơ quan nhà nước chú trọng thực hiện và tiếp nhận trả lời kịp thời; đã xây dựng và đưa vào hoạt động chuyên mục "Góp ý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật" trên Cổng thông tin điện tử tỉnh.

Một số ứng dụng CNTT chuyên ngành tiêu biểu như: Chương trình quản lý doanh nghiệp, dự án đầu tư đã triển khai tại Sở Kế hoạch và Đầu tư; Chương trình quản lý đất, cấp quyền sử dụng đất VLIS được triển khai tại Sở Tài nguyên và Môi trường; triển khai phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch trực tuyến tại UBND các xã, phường, thị trấn và phòng Tư pháp các huyện, thành phố; Cục thuế với phần mềm quản lý khai báo và nộp thuế điện tử; Cơ sở dữ liệu tổng hợp thông tin nông nghiệp; ứng dụng công nghệ GIS phục vụ quản lý nhà nước về bưu chính, viễn thông; Phần mềm quản lý khám, chữa bệnh (VNPT HIS) đã triển khai đến 100% các trạm Y tế xã, phường, thị trấn; 100% các cơ sở khám, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế đã triển khai Hệ thống thông tin giám định Bảo hiểm Y tế và gửi dữ liệu liên thông qua mạng Internet,....

Ứng dụng công nghệ thông tin tại các đơn vị ngành dọc như Thuế, Hải quan, Ngân hàng nhà nước, Điện lực, Phát thanh Truyền hình, Công an,... đã được đẩy mạnh triển khai hỗ trợ công tác quản lý điều hành và cung cấp các dịch vụ công trực tuyến cho người dân, tổ chức.

c) Nguồn nhân lực công nghệ thông tin:

Tổ chức bộ máy Sở Thông tin và Truyền thông tiếp tục được kiện toàn, ổn định và nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước cũng như hỗ trợ triển khai các hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh. Việc thành lập Trung tâm công nghệ Thông tin và Truyền thông trực thuộc Sở cũng đã tạo tiền đề và hỗ trợ đắc lực trong quá trình định hướng, triển khai các hoạt động ứng dụng CNTT cũng như tiếp nhận quản lý và vận hành các dự án đầu tư phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua.

Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thành phố tiếp tục được kiện toàn tổ chức bộ máy để thực hiện phát huy vai trò và chức năng quản lý nhà nước trong công tác ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn. Hầu hết các địa phương, cơ quan nhà nước đều đã có sự quan tâm và bố trí cán bộ lãnh đạo, cán bộ phụ trách, chuyên trách về CNTT (hơn 100 cán bộ có trình độ đạt từ Cao đẳng, Đại học CNTT trở lên) và thường xuyên tham gia bồi dưỡng, tập huấn về quản lý nhà nước và kỹ năng chuyên môn về CNTT. Công tác nghiên cứu và xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT tại các cơ quan nhà nước cũng đã được quan tâm xây dựng và chủ động trong công tác tham mưu triển khai thực hiện.

Phần lớn cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước đều đã qua đào tạo sử dụng thành thạo tin học văn phòng, khai thác tốt các dịch vụ, thông tin trên mạng Internet cũng như trao đổi trên môi trường mạng để phục vụ công tác điều hành và chuyên môn nghiệp vụ. Để tạo điều kiện tốt nhằm thu hút và giữ ổn định đội ngũ hoạt động trong lĩnh vực CNTT, Sở đã xây dựng và tham mưu UBND tỉnh ban hành quy định về chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho cán bộ chuyên trách CNTT, nhưng do có quan điểm khác nhau từ các cơ quan tham mưu nên đến nay vẫn chưa được xem xét phê duyệt.

2. Tóm lược một số kết quả, hạn chế và nguyên nhân:**a) Kết quả làm tiền đề cho xây dựng chính quyền điện tử:**

Đến nay, tư duy và nhận thức về CNTT, về xây dựng chính quyền điện tử của cán bộ, đảng viên ở các cấp, các ngành và nhân dân trong tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực; các chủ trương, chính sách về phát triển CNTT đã được quan tâm, quán triệt và tổ chức triển khai, thực hiện. Công tác phát triển và ứng dụng CNTT đã nhận được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, UBND các cấp và của các Sở, ban ngành nên đã có những chuyển biến tích cực, đóng góp quan trọng trong cải cách hành chính, trong lãnh đạo và điều hành hoạt động các cấp, các ngành.

CNTT trở thành công cụ làm việc hữu ích và không thể thiếu trong hoạt động của các cơ quan nhà nước. Hầu hết cán bộ, công chức đã khai thác, ứng dụng CNTT vào công tác chuyên môn, việc ứng dụng phần mềm vào công việc góp phần nâng cao hiệu quả công việc, giảm thiểu thời gian và giấy tờ. Việc ứng dụng CNTT đã góp phần thay đổi phong cách làm việc của các cơ quan nhà nước, tiếp tục góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công việc và chất lượng phục vụ tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân.

Công tác ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh đã đạt được nhiều kết quả tích cực, cụ thể hệ thống một cửa hiện đại, dịch vụ công trực tuyến đã chính thức đi vào hoạt động tại một số đơn vị đã phục vụ tốt trong việc giải quyết các thủ tục hành chính cho cá nhân, doanh nghiệp và người dân, tạo tiền đề cho thực hiện xây dựng chính quyền trong thời gian tới; việc triển khai Dự án "Nâng cao khả năng sử dụng máy tính và truy nhập internet công cộng tại Việt Nam" đã góp phần nâng cao kỹ năng và kiến thức của người dân trong việc ứng dụng CNTT kết nối Internet phục vụ trong các hoạt động của mình và xã hội.

b) Một số hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm:** Một số tồn tại, hạn chế:*

Mặc dù hạ tầng công nghệ thông tin đã tăng lên mức khá của cả nước nhưng nhìn chung vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu cho các đơn vị cấp tỉnh, huyện và xã. Nhiều máy tính đã được trang bị từ lâu, tốc độ xử lý chậm. Đối với cấp xã hạ tầng còn rất yếu không đáp ứng được nhiều cho việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin mở rộng từ tỉnh xuống huyện và xuống cấp xã.

Còn nhiều sở, ban ngành chưa chủ động xây dựng được các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và phần mềm chuyên ngành để nâng cao năng lực quản lý và phục vụ công tác chuyên môn đã được phân công, giao nhiệm vụ. Tại cấp xã đa số vẫn chưa ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý điều hành và tác nghiệp.

Các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 đã được triển khai và tổ chức cung cấp trên mạng Internet tuy nhiên sự tham gia của công dân, tổ chức còn rất hạn chế. So với mặt bằng chung cả nước tỉnh Quảng Ngãi hiện đang xếp hạng ở mức thấp về triển khai ứng dụng mô hình một cửa, một cửa liên thông điện tử hiện đại và hiệu quả, kết quả xử lý công việc tại bộ phận một cửa chưa cao.

Việc phân bổ kinh phí để triển khai không đảm bảo cho việc phát triển và ứng dụng CNTT của các cấp, các ngành dẫn đến nhiều chương trình, kế hoạch không triển khai thực hiện được hoặc triển khai không đồng bộ, ảnh hưởng đến hiệu quả chung của công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước cũng như việc thúc đẩy ứng dụng trong cộng đồng xã hội.

** Nguyên nhân:*

Công nghệ thông tin là một lĩnh vực khoa học công nghệ cao và có sự phát triển, thay đổi nhanh, vì vậy trong quá trình ứng dụng và phát triển luôn nảy sinh những vấn đề bất cập, nhất là kỹ năng tiếp cận và sử dụng công nghệ;

Tuy có nhận thức rất đầy đủ về vai trò, vị trí, tầm quan trọng và hiệu quả của việc phát triển và ứng dụng CNTT trong các hoạt động của xã hội, nhất là trong hoạt động của các cơ quan hành chính thông qua việc ứng dụng CNTT để thực hiện công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành nhằm thực hiện tốt công tác cải cách nền hành chính, nhưng người đứng đầu ở nhiều cơ quan các cấp từ tỉnh đến cơ sở chưa thể hiện đầy đủ trách nhiệm, sự vào cuộc của mình trong việc ứng dụng và phát triển CNTT tại đơn vị và xã hội.

Việc đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, thiết bị về CNTT còn dàn trải, thiếu đồng bộ, thiếu thống nhất, chưa đáp ứng được nhu cầu; chưa có sự phối hợp chặt chẽ, gắn kết giữa các ngành, địa phương và giữa quá trình ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách hành chính.

** Bài học kinh nghiệm:*

Các cấp, các ngành phải gắn trách nhiệm, từng lĩnh vực chuyên môn được quản lý với sự nghiệp ứng dụng và phát triển CNTT; người đứng đầu các cơ quan, đơn vị phải chủ động, có quyết tâm chính trị cao trong quá trình ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin; quan tâm đến công tác phối hợp đảm bảo chặt chẽ, thống nhất cao giữa các cấp, các ngành trong quá trình triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, đặc biệt là các ứng dụng mang tính kết nối, liên thông liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành.

Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật CNTT phải có tính chất đồng bộ, lâu dài, có kế hoạch tổng thể gắn liền với việc xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành và triển khai các ứng dụng, phần mềm, đồng thời gắn với các quy định, chế tài trách nhiệm cụ thể đối với người đứng đầu cơ quan cũng như các bộ phận, đơn vị có liên quan.

~~Cần tăng cường và đẩy mạnh công tác tuyên truyền rộng rãi nhằm nâng cao hiểu biết, nhận thức và các lợi ích trong việc xây dựng Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử cho CBCC, người dân và doanh nghiệp.~~

Cần xác định vấn đề đào tạo nguồn nhân lực CNTT là một trong những lĩnh vực ưu tiên hàng đầu. Tập trung phát triển, nâng cấp các trường, các trung tâm đào tạo công nghệ thông tin vừa đáp ứng phổ cập và vừa đẩy mạnh đào tạo chuyên sâu và hướng tới hợp tác đào tạo chuyên gia CNTT. Tăng cường xã hội hóa công tác phổ cập tin học cho toàn xã hội.

PHẦN II: NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư:

1. Mục tiêu tổng quát:

- Xây dựng, hoàn thiện các hệ thống thông tin trong hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước gắn với quá trình cải cách hành chính, để nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước trong tỉnh. Cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến mức độ cao phục vụ cho người dân và doanh nghiệp khi làm việc với cơ quan nhà nước tốt nhất, nhanh và chính xác, thuận tiện, tiết kiệm, làm cho hoạt động của cơ quan nhà nước được minh bạch hơn hiệu quả hơn.

- Xây dựng và hoàn thiện hạ tầng CNTT một cách đồng bộ, tạo nền tảng để phát triển Chính phủ điện tử; đồng thời đưa vào sử dụng những phần mềm dùng chung để nâng cao năng lực điều hành quản lý, tạo môi trường làm việc trên mạng diện rộng ổn định giữa các cơ quan nhà nước trong tỉnh nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả làm việc, giảm thời gian, chi phí hoạt động của các cơ quan nhà nước.

- Đảm bảo bảo vệ bí mật Nhà nước trên môi trường mạng theo đúng quy định của pháp luật. Đào tạo nguồn nhân lực để khai thác, vận hành, phát triển và đảm bảo an ninh, an toàn thông tin cho Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Ngãi.

- Tăng cường đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho các hệ thống thông tin, ứng dụng và CSDL phục vụ hoạt động quản lý của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, kịp thời phát hiện, xử lý các sự cố, lỗ hổng bảo mật, ngăn chặn các hành vi tấn công, truy cập trái phép vào hệ thống mạng và CSDL của cơ quan nhà nước.

- Nâng cao vị trí xếp hạng của tỉnh Quảng Ngãi về chỉ số sẵn sàng ứng dụng và phát triển CNTT-TT; chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) cấp tỉnh.

- Tích hợp, kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trên quy mô quốc gia, tạo lập môi trường chia sẻ thông tin qua mạng rộng khắp giữa các cơ quan trên cơ sở Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Quảng Ngãi. Tạo động lực và góp phần tích cực, quan trọng vào nhiệm vụ phân đầu xây dựng Quảng Ngãi sớm trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại.

2. Một số mục tiêu cụ thể:

a) Phát triển và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu tạo nền tảng xây dựng Chính quyền điện tử:

- Tiếp tục nâng cấp và đầu tư đồng bộ hệ thống trang thiết bị CNTT, mạng LAN và kết nối sử dụng Internet băng rộng cho tất cả các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã, đảm bảo đủ điều kiện hạ tầng kỹ thuật đáp ứng triển khai các ứng dụng CNTT phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử.

- Phát triển và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước đến cấp xã.

- Xây dựng hoàn thành và đưa vào vận hành ổn định Trung tâm dữ liệu tỉnh Quảng Ngãi (DataCenter) với hạ tầng kỹ thuật và hệ thống thiết bị CNTT hiện đại và

~~có khả năng đầu tư nâng cấp, mở rộng nhằm tập trung đầu mối dữ liệu, quản lý các hệ thống cơ sở dữ liệu; đảm bảo về an toàn bảo mật, an ninh thông tin cho các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu của toàn tỉnh.~~

- Đẩy nhanh tiến độ phối hợp triển khai thực hiện, đưa vào sử dụng hiệu quả các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia (theo Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ và phù hợp với quy định của Thông tin số 25/201/TT-BTTTT ngày 30/12/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông) và của tỉnh, hình thành Chính quyền điện tử địa phương tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử.

b) Phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước:

- Tăng cường hiệu quả sử dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (eOffice) trong cơ quan nhà nước các cấp. Thực hiện hoàn thành kết nối, liên thông hệ thống eOffice ở tất cả các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, đơn vị cấp huyện và cấp xã trước ngày 31/12/2017.

- 100% văn bản không mật trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ dưới dạng điện tử (bao gồm cả các văn bản trình song song cùng văn bản giấy).

- 80% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử (bao gồm cả các văn bản gửi song song cùng văn bản giấy).

- Triển khai và ứng dụng chữ ký số trong trao đổi văn bản điện tử trong 100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh và cấp huyện; phấn đấu đạt 80% cơ quan nhà nước cấp xã.

c) Phát triển ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp:

- Cung cấp đầy đủ thông tin trên Trang thông tin điện tử/Cổng thông tin điện tử của tất cả các cơ quan nhà nước theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

- Đạt 80% huyện, thành phố; tối thiểu 40% xã, phường, thị trấn thực hiện mô hình “Bộ phận một cửa hiện đại”.

- 50% thủ tục hành chính công được cung cấp trực tuyến mức độ 3; 40 dịch vụ hành chính công cấp tỉnh, 08 dịch vụ hành chính công cấp huyện và 05 dịch vụ hành chính công cấp xã được cung cấp trực tuyến mức độ 4.

- Trên 50% hồ sơ thủ tục hành chính thực hiện qua mạng Internet; 100% các thủ tục hành chính liên thông thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ngành liên quan đến đầu tư kinh doanh được thực hiện trực tuyến mức độ 4.

- Phấn đấu đạt trên 95% hồ sơ khai thuế qua mạng Internet, 95% nộp thuế điện tử đối với của doanh nghiệp; từng bước mở rộng việc khai thuế qua mạng và nộp thuế điện tử cho các hộ gia đình và cá nhân.

- Ứng dụng công nghệ thông tin để rút ngắn thời gian thực hiện thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cho doanh nghiệp, phấn đấu đạt mức trung bình của các nước ASEAN-4.

- Phấn đấu đạt 20% các gói thầu quan trọng của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh sử dụng hệ thống đấu thầu điện tử.

d) Đào tạo, tập huấn cho cán bộ công chức và hình thành công dân điện tử:

- Phấn đấu 100% Thủ trưởng và lãnh đạo phụ trách về công nghệ thông tin các đơn vị cấp sở, ban ngành, huyện được đào tạo, bồi dưỡng các kiến thức về chiến lược, tầm nhìn, kỹ năng quản lý công nghệ thông tin; nhận thức một cách đầy đủ về Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Ngãi và Chính phủ điện tử nói chung.

~~Đảm bảo 100% cán bộ, công chức, viên chức có thể sử dụng khai thác có hiệu quả Chính quyền điện tử của tỉnh; 100% cán bộ chuyên trách về CNTT được cập nhật, đào tạo nâng cao trình độ, năng lực về CNTT và an toàn, bảo mật hệ thống thông tin.~~
 - Tăng cường công tác phổ cập tin học và mạng Internet đến tất cả các tầng lớp nhân dân; trên 80% người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh được truyền thông về chính quyền điện tử, trong đó phần đầu trên 50% có thể tiếp cận sử dụng các dịch vụ được cung cấp bởi Chính quyền điện tử.

II. Các nhiệm vụ, nội dung thuộc Đề án:

1. Hạ tầng kỹ thuật:

Xây dựng và chuẩn hóa hạ tầng CNTT đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi với giải pháp công nghệ, thiết bị tiên tiến. Mục đích nhằm nâng cao khả năng bảo mật, an toàn cho hệ thống trước các mối nguy cơ tấn công mạng, đồng thời kiểm soát máy tính của cán bộ công chức, viên chức truy cập internet, các phần mềm ứng dụng, tăng cường hiệu quả trong công tác cải cách hành chính.

Hoàn thiện mạng diện rộng trên cơ sở sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng và hạ tầng sẵn có của các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh: Thuê hạ tầng mạng chuyên dùng của doanh nghiệp viễn thông triển khai cho toàn tỉnh đảm bảo tính bảo mật và kết nối giữa UBND tỉnh với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh khi có chỉ đạo thống nhất chung trên địa bàn tỉnh; Nâng cấp băng thông đường truyền đảm bảo tốc độ kết nối giữa UBND tỉnh với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố.

Nâng cấp thiết bị đầu cuối đảm bảo kết nối và nhu cầu sử dụng của các điểm cầu.

Đưa vào vận hành Trung tâm dữ liệu tỉnh (Datacenter) và hệ thống bảo mật phục vụ Chính quyền điện tử.

Triển khai giải pháp tổng thể đảm bảo an toàn, an ninh thông tin số cho các hệ thống thông tin của tỉnh.

Xây dựng hạ tầng kỹ thuật CNTT đồng bộ, hiện đại, đảm bảo an toàn thông tin để ứng dụng và phát triển CNTT tiến đến xây dựng chính quyền điện tử.

a) Đảm bảo an toàn thông tin số cho cơ sở hạ tầng thông tin:

Các sở, ngành, ủy ban nhân dân các huyện, thành phố được trang bị giải pháp đảm bảo an toàn an ninh mạng (thiết bị phần cứng, phần mềm an ninh mạng) nhằm đảm bảo các thông tin chỉ đạo, điều hành trên hệ thống mạng được toàn vẹn. Đáp ứng các mục tiêu theo Chỉ thị số 897/CT-TTg ngày 10/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường triển khai các hoạt động đảm bảo an toàn thông tin số; Quyết định số 898/QĐ-TTg ngày 27/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2016-2020 và Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Đảm bảo tất cả các sở, ngành, ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có quy trình và thực hiện quy trình an toàn an ninh cho hạ tầng thông tin tại đơn vị mình.

- Đảm bảo 100% các máy chủ tại các đơn vị được cài đặt các phần mềm có bản quyền.

- Đảm bảo 100% các máy tính tại các đơn vị được cập nhật thường xuyên các bản vá lỗi hệ thống, được trang bị phần mềm diệt virus, chống ứng dụng độc hại có bản quyền.

- Đảm bảo 100% các hệ thống thông tin quan trọng của tỉnh được thẩm định và xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin. Các cơ quan chủ quản có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đối

~~với hệ thống thông tin thuộc phạm vi mình quản lý theo quy định tại Điều 25, 26 và 27 của Luật an toàn thông tin mạng và các quy định của pháp luật liên quan.~~

- Hạ tầng hệ thống mạng của Trung tâm dữ liệu tỉnh (Datacenter) được trang bị các thiết bị lưu trữ dữ liệu và áp dụng các quy trình sao lưu, dự phòng dữ liệu cần thiết theo yêu cầu.

b) Đảm bảo an toàn thông tin số cho các ứng dụng công nghệ thông tin:

- Đảm bảo an toàn, an ninh cho Hệ thống công nghệ thông tin điện tử của tỉnh, gồm công chính và các công thành phần với đầy đủ thông tin theo quy định tại Điều 22 của Luật An toàn thông tin mạng.

- Đảm bảo an toàn thông tin số cho hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh.

- Đảm bảo an toàn, tin cậy cho hoạt động của các dịch vụ hành chính công trên hệ thống Công nghệ thông tin điện tử của tỉnh cũng như các ứng dụng khác.

- Triển khai thí điểm một số đơn vị áp dụng các tiêu chuẩn quản lý an toàn TCVN 7562:2005, ISO/IEC 17799:2005, ISO/IEC 27001 nhằm giảm thiểu được các nguy cơ gây sự cố, tạo điều kiện cho việc khắc phục và truy vết trong trường hợp có sự cố xảy ra.

c) Đào tạo, xây dựng nhân lực về an toàn thông tin số:

- Phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến đảm bảo an toàn thông tin số.

- Triển khai thành lập Nhóm ứng cứu sự cố máy tính (CSIRT); tích cực tham gia hoạt động trong mạng lưới CSIRT trên toàn quốc; tổ chức diễn tập An ninh mạng nhằm ứng phó kịp thời khi xảy ra các sự cố mất an toàn thông tin. Thành lập trung tâm giám sát an ninh mạng.

- Các sở, ngành, huyện, thành phố củng cố, sắp xếp bộ máy, nhân lực, đảm bảo 100% các sở, ngành, huyện, thành phố có bộ phận chuyên trách và cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin được đào tạo cơ bản về an toàn an ninh thông tin.

- Tổ chức khóa bồi dưỡng nâng cao nhận thức An ninh mạng cho lãnh đạo, cán bộ công chức trên địa bàn tỉnh. Tổ chức hằng năm các khóa bồi dưỡng, đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ an toàn an ninh thông tin cho các cán bộ chuyên trách, bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Bảo đảm 100% cán bộ chuyên trách an ninh, an toàn hệ thống của tỉnh và các đơn vị được đào tạo và cấp chứng chỉ theo chuẩn quốc tế về an ninh mạng.

- Định kỳ hàng năm tổ chức diễn tập An ninh mạng trên quy mô toàn tỉnh.

2. Nâng cấp và đưa vào vận hành Hệ thống Hội nghị truyền hình:

Đầu tư nâng cấp trang thiết bị, ứng dụng giải pháp hội nghị truyền hình bằng phần mềm, có độ tùy biến và linh hoạt cao. Triển khai đến toàn bộ cấp xã.

Hàng năm Văn phòng UBND tỉnh và Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch tổ chức các cuộc họp Hội nghị truyền hình trực tuyến do UBND tỉnh chủ trì có nội dung chỉ đạo, định hướng, triển khai rộng rãi cho toàn bộ các ngành, các cấp.

Năm 2018 tổ chức tối thiểu 10 cuộc họp; năm 2019 tổ chức tối thiểu 20 cuộc họp và từ năm 2020 tổ chức tối thiểu 25 cuộc họp.

Định hướng thực hiện thuê dịch vụ CNTT theo chủ trương thí điểm của Chính phủ.

3. Xây dựng, hoàn thiện các kênh giao tiếp với Công dân, tổ chức, doanh nghiệp:

Xây dựng các kênh thông tin giúp Công dân, tổ chức, doanh nghiệp truy cập thuận tiện tới các dịch vụ công qua nhiều hình thức khác nhau, bao gồm: Cổng thông

~~tin (Portal); Trung tâm giao dịch khách hàng (Contact Center); Hệ thống gửi/nhận tin nhắn (SMS Gateway); Bộ phận một cửa ...~~

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm phối hợp các đơn vị có liên quan xây dựng và thiết lập kênh giao tiếp để phục vụ cho nhu cầu, yêu cầu về thông tin, dịch vụ có liên quan của các cơ quan nhà nước cho các công dân, tổ chức và doanh nghiệp; định hướng công tác truyền thông chính xác, kịp thời công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh và phản ánh tình hình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh trong thời kỳ mới của xã hội thông tin, kết nối.

4. Xây dựng và thống nhất hệ thống thư công vụ của tỉnh:

Hoàn thiện hệ thống Thư điện tử công vụ của tỉnh (xxx@quangngai.gov.vn), tăng dung lượng lưu trữ của các hòm thư, nâng cấp hệ thống máy chủ, hệ thống đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống thư điện tử:

- Nâng cấp lên phiên bản mới có kiến trúc phân cấp theo chức năng và bảo mật.
- Nâng cấp, bổ sung thêm các tính năng của hệ thống quản trị như chuyển đổi đơn vị, hạn chế quote, quản lý truy nhập cho hệ thống thư điện tử.
- Nâng cấp phần mềm hệ điều hành máy chủ để đảm bảo yêu cầu quản lý và bảo mật.
- Tăng cường trang bị thiết bị bảo mật chuyên dụng cho hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh.
- Tăng cường quán triệt và chỉ đạo triển khai sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ theo đúng quy chế tại Quyết định số 51/2015/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Quy chế quản lý, sử dụng Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Quảng Ngãi.

5. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước:

a) Nâng cấp Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp:

Nâng cấp hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp: Theo hướng tập trung, công nghệ điện toán đám mây, trên nền web, hỗ trợ nhiều loại thiết bị (máy tính, máy tính bảng, điện thoại thông minh...), tích hợp chữ ký số. Thực hiện kết nối liên thông 03 cấp và liên thông với Văn phòng Chính phủ.

Đến nay đã có 37 Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành. Tuy nhiên, cơ sở dữ liệu đang được lưu trữ phân tán tại các đơn vị. Để dễ quản lý và được đồng bộ trong Mô hình chính quyền điện tử cần triển khai Hệ thống quản lý CSDL dùng chung trong tỉnh với nguyên tắc: Dữ liệu phải được thiết kế theo mô hình tập trung, được định nghĩa khai báo thống nhất trong toàn tỉnh, trong đó xác định các thành phần dữ liệu được chia sẻ, tích hợp hoặc công khai trên Internet.

- Hoàn thiện, nâng cấp hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp, tăng dung lượng lưu trữ của hệ thống; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, đồng thời triển khai xác thực và ký số văn bản điện tử nhằm đảm bảo tính pháp lý của văn bản trao đổi liên thông trên mạng.

- Cài đặt phiên bản web cho tất cả các đơn vị sử dụng phần mềm quản lý và điều hành tác nghiệp, phù hợp với nhiều loại thiết bị (máy tính, máy tính bảng, điện thoại thông minh,...).

b) Phần mềm một cửa điện tử liên thông:

Giải pháp Hệ thống phần mềm Một cửa điện tử tập trung cho các Sở ban ngành, Huyện, thành phố, xã phường ... và các phân hệ liên quan như:

~~Công thông tin thủ tục hành (công dân, tổ chức, doanh nghiệp ... có thể tra cứu~~
bất kỳ thủ tục hành chính mà họ quan tâm).

- Công tra cứu tiến độ xử lý Hồ sơ thủ tục hành chính.
- Đánh giá mức độ hài lòng của công dân, tổ chức, doanh nghiệp.

Định hướng thực hiện thuê dịch vụ CNTT theo chủ trương thí điểm của Chính phủ.

c) Công tra cứu tiến độ xử lý Hồ sơ thủ tục hành chính:

Cho phép Công dân, tổ chức, doanh nghiệp có thể tra cứu tiến độ xử lý Hồ sơ thủ tục hành chính. Về lâu dài, công tra cứu tiến độ xử lý Hồ sơ thủ tục hành chính và công dịch vụ công trực tuyến là trong cùng một hệ thống.

Thông qua Công tra cứu tiến độ xử lý Hồ sơ thủ tục hành chính Công dân, tổ chức doanh nghiệp kịp thời nắm bắt các thông tin thay đổi thủ tục hành chính, cũng như thông tin công khai về tiến trình xử lý thủ tục hành chính.

Tra cứu tiến độ hồ sơ thủ tục hành chính: Tổ chức/Công dân có thể tra cứu tiến độ hồ sơ thủ tục hành chính với 3 hình thức như sau:

- Tra cứu tiến độ bằng mã hồ sơ: Khi tổ chức/công dân giao dịch với bộ phận một cửa sẽ được cấp phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả. Trên biên nhận sẽ hiển thị mã hồ sơ và các thông tin cơ bản. Tổ chức/Công dân căn cứ vào mã hồ sơ để có thể tra cứu được tiến độ hồ sơ đã được cơ quan xử lý như thế nào.

- Tra cứu tiến độ bằng mã vạch: tương tự tra cứu hồ sơ qua mã hồ sơ, biên nhận của các tổ chức/công dân ngoài mã hồ sơ đồng thời còn có mã vạch, giúp các tổ chức/công dân có thể tra cứu được tiến độ hồ sơ thông qua máy đọc mã vạch được gắn tại bộ phận một cửa.

- Tra cứu tiến độ qua hệ thống nhắn tin SMS: ngoài 2 lựa chọn như trên các tổ chức/công dân còn có thể tra cứu tiến độ hồ sơ bằng hệ thống nhắn tin SMS với cú pháp định sẵn. Lúc này hệ thống tin nhắn sẽ tự động trả kết quả tiến độ về lại cho tổ chức/công dân.

Ngoài những phương thức trên có thể tra cứu tiến độ hồ sơ thủ tục hành chính như trên chúng ta còn có thể bổ sung xây dựng hệ thống trả lời tự động nếu có sự liên kết với các nhà mạng viễn thông.

Tóm lại, công dân, tổ chức, doanh nghiệp có thể tra cứu tiến độ xử lý hồ sơ thủ tục hành chính thông qua các kênh như: Tra cứu qua mã hồ sơ, tra cứu bằng tin nhắn SMS, tra cứu mã vạch, tổng đài trả lời... Việc tra cứu giúp người dân có thể theo dõi được tiến độ xử lý hồ sơ đang được tiến hành như thế nào, bộ phận xử lý, cán bộ nào xử lý một cách thuận lợi thông qua môi trường mạng Internet, tin nhắn di động, thậm chí là các ứng dụng tin nhắn, gọi điện miễn phí trên di động như Zalo, Viber ...

d) Hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi đơn đốc, kiểm tra:

Là hệ thống CSDL theo dõi, đơn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao tại các văn bản chỉ đạo, điều hành.

Hệ thống này áp dụng đối với Văn phòng UBND tỉnh và các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan khi thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao. Tiếp tục nâng cấp, mở rộng triển khai sử dụng cho công tác theo dõi, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của Lãnh đạo các sở ban ngành và địa phương.

Thông qua hệ thống CSDL theo dõi, đơn đốc, kiểm tra này giúp cho Văn phòng UBND tỉnh:

- + Dễ dàng quản lý, theo dõi các nhiệm vụ đã giao cho các đơn vị thực hiện theo tình trạng: Đã giao, Đang thực hiện, Chờ phê duyệt, Hoàn thành, Thu hồi...

~~+ Báo cáo, tổng hợp số liệu các nhiệm vụ hoặc thống kê chi tiết nhiệm vụ để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị.~~

+ Tương tác với các đơn vị thực hiện nhiệm vụ trực tiếp trên hệ thống: Yêu cầu các đơn vị báo cáo tiến độ thực hiện tại một thời điểm bất kỳ, có thể phê duyệt báo cáo hoàn thành nhiệm vụ của các đơn vị hoặc phê duyệt cho các đơn vị gia hạn thời hạn thực hiện ...

+ Ghi lại lịch sử quá trình tương tác của mỗi nhiệm vụ giữa UBND tỉnh với các đơn vị thực hiện nhiệm vụ.

+ Tại một thời điểm bất kỳ, Lãnh đạo UBND tỉnh có thể kiểm tra một nhiệm vụ nào đó đã thực hiện hay chưa. Tình hình thực hiện đến đâu rồi... một cách dễ dàng thuận tiện.

+ Có thể dễ dàng tạo nhiệm vụ trực tiếp từ các văn bản trên phần mềm Quản lý văn bản sang hệ thống CSDL theo dõi, đôn đốc, kiểm tra mà không cần nhập lại thông tin, như vậy giúp tiết kiệm rất nhiều thời gian và công sức của cán bộ, công chức.

e) Xây dựng Danh mục người dùng:

Xây dựng Cơ sở dữ liệu người dùng thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh. Người dùng ở đây chính là cán bộ công chức của các Sở ban ngành, Huyện, thành phố ... trên phạm vi toàn tỉnh Quảng Ngãi. Mỗi cán bộ công chức được cấp một tài khoản và một khẩu duy nhất để truy cập vào nhiều ứng dụng trong một phiên làm việc.

Cụ thể, khi người dùng đăng nhập vào các Hệ thống thông tin dùng chung như: Hệ thống Quản lý văn bản, Hệ thống Một cửa điện tử, Hệ thống dịch vụ công, Hệ thống thư điện tử ... thay vì phải truy cập vào từng ứng dụng với từng tài khoản và mật khẩu riêng, người dùng sẽ chỉ cần truy cập một lần thông qua một module xác thực phần mềm riêng biệt hoạt động giống như một cửa ngõ vào tất cả các ứng dụng yêu cầu đăng nhập.

Hệ thống Danh mục người dùng bao gồm các dịch vụ cơ bản như sau:

- Danh mục tài khoản người dùng: Dịch vụ này hỗ trợ việc lưu trữ, tổ chức và khai thác thông tin về các tài khoản người dùng đã được đăng ký trong hệ thống.

- Xác thực người dùng: Dịch vụ này hỗ trợ việc xác thực định danh người dùng.

- Đăng nhập một lần (Single Sign On): Dịch vụ này hỗ trợ cơ chế đăng nhập một lần đối với tất cả các thành phần/hệ thống liên quan của hệ thống CQĐT tỉnh Quảng Ngãi.

- Quản lý quyền truy nhập của người dùng: Dịch vụ này hỗ trợ kiểm soát quyền truy nhập của người dùng đối với các chức năng và tài nguyên của hệ thống.

f) Phần mềm ISO điện tử:

Xây dựng hệ thống phần mềm ISO điện tử, kết hợp ứng dụng CNTT với xây dựng, áp dụng và công bố hệ thống quản lý chất lượng vào hoạt động của các cơ quan nhà nước nhằm tạo ra phương pháp làm việc khoa học, mang tính hệ thống, tăng cường tính giám sát, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công cho công dân, tổ chức và doanh nghiệp.

Định hướng thực hiện thuê dịch vụ CNTT theo chủ trương thí điểm của Chính phủ.

g) Nâng cấp Cổng dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh:

- Tiếp tục triển khai, nhân rộng các dịch vụ công trực tuyến mức 3 trở lên thuộc 53 nhóm Dịch vụ công trực tuyến cấp tỉnh, huyện, xã ưu tiên triển khai tại các địa phương theo Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

~~Xây dựng công Dịch vụ công chung của toàn tỉnh, làm đầu mối tổng hợp tất cả~~
 dịch vụ công trực tuyến trên toàn tỉnh, giúp cho các công dân và tổ chức dễ dàng truy cập vào tìm kiếm, tra cứu, thực hiện các dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai Hệ thống gửi, nhận tin nhắn (SMS gateway), kết nối tới các nhà khai thác mạng viễn thông di động trong nước cho phép công dân và doanh nghiệp gửi tin nhắn đến hệ thống Chính quyền điện tử để tra cứu tình trạng xử lý hồ sơ, đặt lịch hẹn...

- Thiết lập các kiosk tra cứu thông tin tại các nơi công cộng để phục vụ cho người dân tham gia vào hệ thống Dịch vụ công trực tuyến mức 3, 4 cũng như hệ thống Chính quyền điện tử.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có thể tiếp cận sử dụng được các dịch vụ công trực tuyến, thông qua các kênh tuyên truyền đa dạng như báo in, báo điện tử, phóng sự hoặc chuyên mục trên sóng truyền hình, chuyên mục trên sóng phát thanh các huyện, thành phố.

h) Nâng cấp Cổng thông tin điện tử tỉnh:

Nâng cấp, phát triển đầy đủ chức năng và tính năng của hệ thống Cổng lõi từ Microsoft Office SharePoint Server (MOSS) 2010 sang MOSS 2013 (hoặc MOSS 2016) với nhiều tính năng vượt trội so với phiên bản cũ 2010. Đảm bảo quản trị tiện ích, khoa học và an toàn; phần mềm Cổng Thông tin điện tử đáp ứng được đầy đủ các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của Cổng Thông tin điện tử:

- Nâng cấp, chuyển đổi công nghệ lõi xây dựng từ MOSS 2010 sang MOSS 2013 (hoặc MOSS 2016). Cấu hình subdomain cho các trang thành viên, cung cấp tên miền cấp 4 theo đúng nghị định 43/2011/NĐ-CP.

- Tương thích với các trình duyệt Web thông dụng, các thiết bị thông dụng: máy vi tính; thiết bị cầm tay di động, smartpone (iOS, Android, Windows Phone,...).

- Khả năng tích hợp kênh thông tin dịch vụ ứng dụng cung cấp dịch vụ hành chính công theo các chuẩn tương tác của phần mềm cổng lõi. Hỗ trợ hai phương thức tích hợp đối với dịch vụ ứng dụng trực tuyến:

- + Tích hợp nguyên vẹn: tích hợp toàn bộ trang thông tin của ứng dụng vào Cổng (hay còn gọi là Web-clipping).

- + Tích hợp dữ liệu: Cổng có khả năng tổng hợp thông tin (có cấu trúc và định dạng tuân thủ theo tiêu chuẩn về chia sẻ và trao đổi thông tin) do ứng dụng trực tuyến công bố; Phương thức này yêu cầu trang web/dịch vụ được tích hợp phải xuất ra các thông tin trao đổi theo chuẩn thống nhất.

- Xây dựng ứng dụng đối thoại trực tuyến trên cổng lõi MOSS 2013 tại Cổng chính đáp ứng yêu cầu người sử dụng: Công cụ hỗ trợ các cơ quan/đơn vị của Tỉnh tổ chức các chương trình giao lưu, đối thoại với người dân về các chủ trương, chính sách, các vấn đề xã hội, ...Phiên giao lưu (hay còn gọi là buổi giao lưu) là sự trao đổi thông tin trực tiếp giữa người dân, doanh nghiệp và các cơ quan quản lý nhà nước trong một khoảng thời gian quy định được thông báo trước.

- Giao diện được trình bày khoa học, hợp lý và đảm bảo mỹ thuật hài hòa với mục đích của Cổng thông tin Bộ/Tỉnh, tuân thủ các chuẩn về truy cập thông tin.

- Toàn bộ các dữ liệu cần quản lý, phải được lưu trong CSDL được mã hóa và phân quyền truy cập chặt chẽ.

- Xây dựng tính năng hỗ trợ người khuyết tật truy cập thông tin: Thư viện ảnh; Thư viện video; Khả năng phóng to; Thu nhỏ chữ viết; Phát thanh bài viết; Xem video bài viết.

~~6. Xây dựng, hoàn thiện các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu chuyên ngành:~~

Căn cứ vào nhu cầu, mức độ cần thiết và khả năng triển khai của tỉnh, nhu cầu đến đâu, nguồn lực đến đâu triển khai đến đó; trong giai đoạn 2018 đến 2022 tỉnh Quảng Ngãi sẽ đầu tư xây dựng khoảng 15 ứng dụng nghiệp vụ. Qua đó sẽ hình thành các CSDL tương ứng. Các hệ thống thông tin và CSDL được chia thành 3 nhóm theo mức độ ưu tiên:

- Năm 2018: Triển khai các ứng dụng có tính cấp thiết cao:

- + Hệ thống thông tin tổng hợp.
- + Hệ thống thông tin theo dõi chỉ đạo điều hành.
- + Hệ thống Theo dõi xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo.
- + Hệ thống Quản lý cán bộ công chức (CSDL cán bộ công chức).
- + Hệ thống ISO điện tử ...

- Năm 2019: Triển khai các ứng dụng, CSDL có tính cấp thiết vừa phải:

- + CSDL công dân.
- + CSDL doanh nghiệp.
- + CSDL tài chính.
- + CSDL bảo hiểm...

- Năm 2020-2022: Triển khai các ứng dụng, CSDL còn lại theo Kế hoạch số 1881/KH-UBND ngày 25/4/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định số 916/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

7. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin:

Tăng cường nâng cao nhận thức của cán bộ lãnh đạo các cấp về vai trò, vị trí quan trọng của công tác đảm bảo an toàn thông tin, ứng dụng CNTT phục vụ cải cách hành chính và xây dựng Chính quyền điện tử.

Tổ chức các hội thảo chuyên đề về Chính quyền điện tử, tình hình và xu thế phát triển Chính quyền điện tử ở Việt Nam và thế giới, trao đổi kinh nghiệm về phát triển Chính quyền điện tử cấp tỉnh. Tổ chức tham quan một số địa phương trong nước để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm triển khai hệ thống Chính quyền điện tử.

Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng về CNTT, ứng dụng CNTT, những kỹ năng tin học cơ bản và nâng cao đáp ứng yêu cầu xử lý công việc trên máy tính, trên mạng LAN, Internet cho 100% cán bộ, công chức.

Thường xuyên và tăng cường công tác thông tin tuyên truyền và tập huấn về xây dựng Chính quyền điện tử cho người dân và doanh nghiệp. Các cơ quan thông tấn báo chí trên địa bàn tỉnh thường xuyên cung cấp tin tức, phóng sự và tổ chức giao kết, hợp tác với một số cơ quan, đơn vị truyền thông trong và ngoài nước để quảng bá Chính quyền điện tử tỉnh.

8. Xây dựng trực liên thông tích hợp ứng dụng của tỉnh Quảng Ngãi:

Xây dựng Trực liên thông tích hợp các ứng dụng của Quảng Ngãi nhằm kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu... giữa các ứng dụng, hệ thống thông tin trong nội bộ tỉnh đồng thời là đầu mối kết nối ra bên ngoài (các Bộ ngành Trung ương, các tỉnh thành ...).

IV. Danh mục các nhiệm vụ, dự án và lộ trình thực hiện:

TT	Nội dung nhiệm vụ, dự án thành phần	Lộ trình thực hiện					Chủ trì thực hiện
		2018	2019	2020	2021	2022	
I	Phát triển và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật tạo nền tảng xây dựng Chính quyền điện tử						
1	Tăng cường giải pháp đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin quan trọng của tỉnh	X	X	X			Sở TT&TT; VP UBND tỉnh
2	Tăng cường đảm bảo an toàn an ninh thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh (theo Đề án đảm bảo an toàn thông tin đang được Sở TT&TT xây dựng)	X	X	X			Các CQNN
3	Xây dựng Tổng đài hành chính công tỉnh Quảng Ngãi		X				Sở TT&TT
4	Nâng cấp và vận hành Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến đến cấp xã (thuê dịch vụ)	X	X	X	X	X	VP UBND tỉnh
II	Nhiệm vụ, dự án ứng dụng CNTT phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử						
1	Xây dựng, hoàn thiện các hệ thống thông tin và CSDL chuyên ngành	X	X	X	X	X	Các CQNN
2	Nâng cấp Công Thông tin điện tử tỉnh Quảng Ngãi	X	X				Sở TT&TT
3	Nâng cấp Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp		X				Sở TT&TT; VP UBND tỉnh
4	Triển khai phần mềm một cửa điện tử hiện đại liên thông dùng chung cho các cơ quan nhà nước (thuê dịch vụ phần mềm)	X	X	X	X	X	Sở TT&TT
5	Phát triển các dịch vụ công trực tuyến mức 3, 4	X	X	X	X	X	Sở TT&TT

TT	Nội dung nhiệm vụ, dự án thành phần	Lộ trình thực hiện					Chủ trì thực hiện
		2018	2019	2020	2021	2022	
6	Triển khai ứng dụng Phần mềm ISO điện tử (thuê dịch vụ phần mềm)	X	X	X	X	X	Sở TT&TT
7	Đầu tư thống nhất và nâng cấp Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Quảng Ngãi		X				VP UBND tỉnh
8	Hệ thống CSDL theo dõi đơn đốc, kiểm tra nhiệm vụ được UBND, Chủ tịch UBND tỉnh giao (toàn tỉnh)	X					VP UBND tỉnh
III	Đào tạo nguồn nhân lực CNTT; hình thành công dân điện tử và truyền thông về xây dựng Chính quyền điện tử						
1	Đào tạo, tập huấn kiến thức quản lý, kỹ năng về CNTT và An toàn thông tin cho CBCCVN	X	X	X	X	X	Các CQNN
2	Truyền thông và tập huấn về xây dựng chính quyền điện tử cho người dân và doanh nghiệp	X	X	X	X	X	Sở TT&TT

*** Một số nội dung, nhiệm vụ cần ưu tiên tập trung thực hiện ngay trong năm 2018 theo thứ tự như sau:**

1. Triển khai phần mềm một cửa điện tử hiện đại liên thông dùng chung cho các cơ quan nhà nước theo hướng thuê dịch vụ CNTT.

2. Hệ thống CSDL theo dõi đơn đốc, kiểm tra nhiệm vụ được UBND, Chủ tịch UBND tỉnh giao (toàn tỉnh).

3. Phát triển các dịch vụ công trực tuyến mức 3, 4.

4. Nâng cấp Cổng Thông tin điện tử tỉnh Quảng Ngãi.

5. Nâng cấp và vận hành hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến đến cấp xã theo hướng thuê dịch vụ CNTT.

6. Tăng cường đảm bảo an toàn an ninh thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

7. Đào tạo nguồn nhân lực CNTT; hình thành công dân điện tử và truyền thông về xây dựng Chính quyền điện tử (thường xuyên).

8. Xây dựng, hoàn thiện các hệ thống thông tin và CSDL chuyên ngành (thường xuyên).

9. Triển khai ứng dụng Phần mềm ISO điện tử theo hướng thuê dịch vụ CNTT.

V. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và việc huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện Đề án:

1. Dự kiến tổng mức đầu tư:

Tổng mức đầu tư: 110 tỷ đồng.

2. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách tỉnh: 90 tỷ đồng.
- Ngân sách Trung ương hỗ trợ: 20 tỷ đồng.

VI. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng huy động các nguồn lực theo thứ tự ưu tiên hợp lý bảo đảm đầu tư tập trung, có hiệu quả:

Phân kỳ đầu tư:

Năm	2018	2019	2020	2021	2022
Nhu cầu kinh phí (tỷ đồng)	32.5	37.5	23	8.5	8.5

VII. Phân công nhiệm vụ:

1. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Là cơ quan chuyên trách về ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh, chịu trách nhiệm tổ chức triển khai Đề án; hướng dẫn, thẩm định chuyên môn kỹ thuật, định hướng giải pháp công nghệ, giám sát, đôn đốc các đơn vị thực hiện Đề án đảm bảo tiến độ, mục tiêu, hiệu quả; tổng hợp tình hình báo cáo UBND tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan xây dựng các cơ chế, chính sách trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh thực hiện nhiệm vụ quảng bá, truyền thông đến người dân và doanh nghiệp về Chính quyền điện tử.

- Sáu tháng một lần hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh tiến độ thực hiện Đề án và đề xuất các giải pháp kịp thời, cần thiết để bảo đảm việc thực hiện thành công Đề án.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Tham mưu giúp UBND tỉnh đôn đốc các đơn vị trong công tác triển khai thực hiện Đề án này.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh đẩy nhanh tiến độ tham mưu Chủ tịch UBND công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính theo, ngành, lĩnh vực tại cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã trong hoạt động công khai, minh bạch và duy trì những thủ tục hành chính đã và đang còn hiệu lực áp dụng.

- Chủ trì và phối hợp các cơ quan có liên quan thực hiện việc kiểm soát chất lượng và nhập dữ liệu thủ tục hành chính, văn bản liên quan đã được công bố vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; phối hợp Cổng thông tin điện tử tỉnh tạo đường kết nối giữa Cổng thông tin điện tử tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC theo đúng quy định.

3. Sở Nội vụ:

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ, công chức, viên chức để đáp ứng yêu cầu cải cách thủ tục hành chính và phát triển ứng dụng CNTT.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông cân đối ngân sách và lồng ghép các nguồn vốn đảm bảo đủ kinh phí thực hiện Đề án theo đúng tiến độ đề ra. Hướng dẫn các đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện các dự án thành phần theo đúng quy định hiện hành.

~~Là đầu mối phối hợp với các ngành và địa phương xây dựng các chính sách huy động các nguồn vốn trong và ngoài nước; chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tăng đầu tư cho phát triển công nghệ thông tin.~~

5. Sở Tài chính:

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối ngân sách và lồng ghép các nguồn vốn đảm bảo đủ kinh phí thực hiện Đề án theo đúng tiến độ đề ra. Hướng dẫn các đơn vị, địa phương các quy định về quản lý tài chính; thanh tra, kiểm tra việc sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn huy động trong thực hiện Đề án.

6. Sở Khoa học và Công nghệ:

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông để giám sát đảm bảo các nội dung đầu tư trong Đề án đồng bộ, phù hợp với các quy chuẩn công nghệ hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO trong giải quyết thủ tục hành chính.

7. Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể:

Phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện Đề án. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước, trong ứng dụng chuyên ngành nhằm nâng cao hiệu quả công tác và thiết lập, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

Có trách nhiệm triển khai các nhiệm vụ trong Đề án ở cấp huyện và chủ động cân đối ngân sách hàng năm, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp bố trí kinh phí ứng dụng công nghệ thông tin cho các dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương theo quy định.

IX. Các giải pháp tổ chức quản lý thực hiện Đề án:

Việc tổ chức thực hiện Đề án được thống nhất từ cấp tỉnh đến các địa phương. Các bên có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.

1. Tổ chức quản lý:

- Tại cấp tỉnh: Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo về ứng dụng CNTT tỉnh ủy quyền và giao đồng chí Phó Trưởng ban và các đồng chí Ủy viên Thường trực Ban Chỉ đạo về ứng dụng CNTT tỉnh có trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án.

- Tại cấp huyện: Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng chính quyền điện tử cấp huyện tương ứng với mô hình Ban Chỉ đạo về ứng dụng CNTT tỉnh để triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn các huyện, thành phố.

2. Nguồn nhân lực:

Hình thành đội ngũ lãnh đạo CNTT và đội ngũ cán bộ chuyên trách về CNTT tại các sở, ban, ngành; các huyện, thành phố. Đảm bảo mỗi cơ quan, đơn vị sẽ có một cán bộ lãnh đạo CNTT và tối thiểu 1-2 cán bộ chuyên trách về CNTT để tổ chức việc triển khai, vận hành, khai thác, ứng dụng các hệ thống thông tin, các nội dung trong Đề án tại nội bộ các cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Cơ chế, chính sách:

Thực hiện các chủ trương của Đảng, Chính phủ về CNTT trong thời gian qua, để đảm bảo thành công, Đề án cần một hệ thống các cơ chế, chính sách bao gồm:

Xây dựng các cơ chế, chính sách về đào tạo, thu hút nguồn nhân lực, chế độ đãi ngộ phù hợp cho cán bộ, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao; cơ chế chính sách về khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi, ưu đãi cho các doanh nghiệp đầu tư, tham gia

~~triển khai Đề án trên địa bàn Tỉnh; cơ chế, chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia triển khai, sử dụng các dịch vụ công, giao dịch điện tử.~~

Xây dựng, ban hành các quy định về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin; Quy trình giải quyết, xử lý thủ tục hành chính, liên thông điện tử giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh tạo cơ sở pháp lý trong việc sử dụng, trao đổi, lưu trữ văn bản điện tử, vận hành các hệ thống thông tin.

PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Quán triệt phương châm CNTT là hạ tầng của hạ tầng, là động lực thúc đẩy phát triển công nghiệp hóa - hiện đại hóa, đưa tỉnh hướng tới sự phát triển vượt bậc và bền vững; thời gian qua tỉnh Quảng Ngãi đề ra những chủ trương, chính sách và giải pháp cụ thể nhằm khuyến khích phát triển ứng dụng CNTT và TT trong toàn thể cộng đồng, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững trên nền tảng kinh tế tri thức, trong đó đời sống người dân không ngừng được cải thiện, văn hóa, xã hội phát triển hài hòa. Đây là mục tiêu đồng thời cũng là động lực thúc đẩy sự vươn lên mạnh mẽ hơn của tỉnh trong những năm tới.

Đề án “Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Ngãi” góp phần quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh dựa trên nền tảng hạ tầng CNTT-TT. Đó là lộ trình tất yếu mà các tỉnh, thành phố trong cả nước rồi sẽ đi qua để hướng đến sự văn minh, hiện đại trong kỷ nguyên CNTT và Internet.

Do có những nỗ lực chuẩn bị trước, đến nay tỉnh Quảng Ngãi đã hội đủ những điều kiện cần và đủ về hạ tầng CNTT-TT, khung chính sách, nguồn nhân lực và các nguồn lực khác cho việc khởi động một tiến trình phát triển ở mức cao hơn, hoàn thiện hơn: Xây dựng Chính quyền điện tử.

Với quyết tâm chính trị cao của lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND Tỉnh cùng sự thống nhất ý chí của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, xã, phường; sự đồng thuận của người dân và doanh nghiệp; sự hỗ trợ và giúp đỡ của các bộ, ngành Trung ương và Chính phủ, nhất định tỉnh Quảng Ngãi sẽ xây dựng thành công Chính quyền điện tử.

Triển khai thành công đề án Chính quyền điện tử là một trong những nhiệm vụ chính trị, góp phần thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, nhằm hướng đến mục tiêu cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020; mang lại lợi ích cho tất cả các đối tượng tham gia: người dân, các doanh nghiệp nhà đầu tư trong và ngoài nước, chính quyền, xã hội./.

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN VÀ KINH PHÍ, LỘ TRÌNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN
XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ TỈNH QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN 2018-2022

DVT: tỷ đồng

TT	Nội dung nhiệm vụ, dự án thành phần	Kinh phí dự kiến	Lộ trình thực hiện và phân bổ kinh phí					Chủ trì thực hiện
			2018	2019	2020	2021	2022	
I	Phát triển và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật tạo nền tảng xây dựng Chính quyền điện tử							
1	Tăng cường giải pháp đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin quan trọng của tỉnh	5	1	2	2			Sở TT&TT; VP UBND tỉnh
2	Tăng cường đảm bảo an toàn an ninh thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh (theo Đề án đảm bảo an toàn thông tin đang được Sở TT&TT xây dựng)	40	20	10	10			Các CQNN
3	Xây dựng Tổng đài hành chính công tỉnh Quảng Ngãi	6		6				Sở TT&TT
4	Nâng cấp và vận hành Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến đến cấp xã (thuê dịch vụ)	4.5	0.5	1	1	1	1	VP UBND tỉnh
II	Nhiệm vụ, dự án ứng dụng CNTT phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử							
1	Xây dựng, hoàn thiện các hệ thống thông tin và CSDL chuyên ngành	15	3	5	3	2	2	Các CQNN
2	Nâng cấp Cổng Thông tin điện tử tỉnh Quảng Ngãi	4	1	3				Sở TT&TT; VP UBND tỉnh
3	Nâng cấp Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp	1		1				Sở TT&TT

4	Triển khai phần mềm một cửa điện tử hiện đại liên thông dùng chung cho các cơ quan nhà nước (thuê dịch vụ phần mềm)	10.5	2	2.5	2	2	2	Sở TT&TT
5	Phát triển các dịch vụ công trực tuyến mức 3, 4	4	1	1	1	0.5	0.5	Sở TT&TT
6	Triển khai ứng dụng Phần mềm ISO điện tử (thuê dịch vụ phần mềm)	5	1	1	1	1	1	Sở TT&TT
7	Đầu tư thống nhất và nâng cấp Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Quảng Ngãi	2		2				VP UBND tỉnh
8	Hệ thống CSDL theo dõi đơn đốc, kiểm tra nhiệm vụ được UBND, Chủ tịch UBND tỉnh giao (toàn tỉnh)	1	1					VP UBND tỉnh
III	Đào tạo nguồn nhân lực CNTT; hình thành công dân điện tử và truyền thông về xây dựng CQĐT							
1	Đào tạo, tập huấn kiến thức quản lý, kỹ năng về CNTT và An toàn thông tin cho CBCCVC	7	1	2	2	1	1	Các CQNN
2	Truyền thông và tập huấn về chính quyền điện tử cho người dân và doanh nghiệp	5	1	1	1	1	1	Sở TT&TT
	Tổng cộng	110.00	32.5	37.5	23	8.5	8.5	

Ghi chú: Kinh phí cho các dự án, nhiệm vụ của Đề án này là khái toán. kinh phí thực hiện sẽ được xác định cụ thể khi các dự án, nhiệm vụ được xây dựng và phê duyệt theo quy định hiện hành về quản lý ngân sách nhà nước trong quá trình triển khai thực hiện Đề án.